

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 18 tháng 01 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Văn Giáp.

Ông Hoàng Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10A/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1978 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Sau khi kết hôn bà H về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông tại thôn D, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm giữa ông và bà về việc bán đất của gia đình. Đã có một thời gian vợ chồng sống ly thân nhưng sau đó đã quay về chung sống, sinh hoạt cùng một nhà. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông đề nghị ly hôn bà H.

- Con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc ngày 11/11/1978. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian sống ly thân, bà đã từng làm đơn xin ly hôn ông L tại Tòa án nhân dân thị xã T nhưng sau đó bà đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ chung sống cùng nuôi dạy con cái.

Ban đầu bà cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nếu ông L cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm bà trình bày do hai vợ chồng đã già và vẫn đang sinh hoạt bình thường, chung sống chung một nhà nên bà không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Thời điểm trước đây bà làm đơn ly hôn là do ông L đuổi bà ra khỏi nhà chứ bản thân bà không muốn ly hôn. Ông bà đã về nhà sinh sống cùng nhau từ nhiều năm nay, hiện tại vợ chồng vẫn sống chung, ăn cơm chung và sinh hoạt bình thường ở nhà tại thôn D, xã P, thị xã T. Nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà và ông L nay đã cao tuổi, bản thân bà có nhiều bệnh tật và muốn gia đình đông đủ lúc về già.

- Con chung: Vợ chồng có ba con chung như ông L khai là đúng, hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Ban đầu bà trình bày nếu trường hợp ông L cương quyết ly hôn thì bà đề nghị chia tài sản chung là nhà và đất có diện tích 224m² tại thửa số 182, tờ bản đồ số 3 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L ở thôn D, xã P, thị xã T. Sau đó, do bà không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu chia tài sản mà đề nghị giữ nguyên tài sản chung để cho các con của ông bà sau này. Vì vậy, bà đã làm đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã T đã tiến hành xác minh với ông Nguyễn Đức Chúc là trưởng thôn D, xã P, thị xã T về việc hiện tại ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H hiện vẫn đang cùng nhau chung sống, sinh hoạt bình thường tại thửa số 182, tờ bản đồ số 3 ở thôn D, xã P, thị xã T, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì cần chính quyền địa phương can thiệp.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thị xã T đã căn cứ vào các Điều 9, 19, 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 91, 143, 144, 146, 147, 227, 235, 248, 249, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị H.

Do không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L nên về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2020, ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T và chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn L kết hôn với bà Nguyễn Thị H tháng 11/1978, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng hai bên đã tự hàn gắn và về chung sống cùng nhau nhiều năm nay. Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xác minh với ông Nguyễn Đức C là trưởng thôn D, xã P, thị xã T thì được biết: ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H hiện tại vẫn đang sinh hoạt và chung sống cùng nhau tại thửa số 182, tờ bản đồ số 3 ở thôn D, xã P, thị xã T, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì cần chính quyền địa phương can thiệp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L thì thấy:

Mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H chưa đến mức trầm trọng, cả hai đã tự hàn gắn tình cảm với nhau bằng việc cùng nhau chung sống hòa thuận dưới một mái nhà trong một thời gian dài. Sau khi về ở cùng nhau thì không phát sinh mâu thuẫn gì lớn khiến gia đình và địa phương phải can thiệp.

Ngoài ra tại biên bản xác minh với trưởng thôn D cho thấy cuộc sống gia đình ông L, bà H hiện nay vẫn hoàn toàn bình thường. Cá nhân ông L muốn ly hôn nhưng cũng không đưa ra được bằng chứng xác thực chứng minh cho yêu

cầu xin ly hôn của mình là có căn cứ. Vì vậy, có thể khẳng định đời sống tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà H chưa đến mức trầm trọng, lý do ông L đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H là chưa đủ căn cứ. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng của ông Nguyễn Văn L và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí: Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi, tại phiên tòa phúc thẩm có đề nghị xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị H.

- Án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2017/0002251 ngày 24/07/2019 và 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0003710 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả ông Nguyễn Văn L 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0003710 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tx T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai